

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09-5-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Hoài Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Ông Hồ Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 347/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Diễm T, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Tổ A, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Tấn Đ, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 18/10/2024, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông Đ có mối quan hệ là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 24/5/2019. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn gia đình phát sinh từ năm 2023 và vợ chồng tôi đã ly thân hơn 02 năm nay. Thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nên bà T làm đơn xin được ly hôn với ông Đ.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Võ Kim N, sinh ngày 30/6/2020. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng. Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 04/4/2025, bà T yêu cầu ông Đ cấp dưỡng theo quy định pháp luật là 2.500.000 đồng.

- *Về tài sản chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn bà T giao nộp: Bản chính đơn xin ly hôn ngày 18/10/2024, bản tự khai ngày 18/10/2024; bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh của con chung.

*** Bị đơn ông Đ:**

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tổng đạt, niêm yết để ông Đ tham gia tố tụng nhưng ông Đ cố tình vắng mặt mà không có lý do nên không thu thập được ý kiến.

*** Xác minh và làm việc của Tòa án:**

Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh đối với Ban lãnh đạo ấp C, xã L: Ông Đ có hộ khẩu thường trú tại ấp Á, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì không rõ. Hiện nay, vợ chồng đã không còn sống chung từ hơn 02 năm nay. Hiện ông Đ đủ sức khỏe lao động và hiện đang đi làm xí nghiệp ở Khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Đ có hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn xin ly hôn, bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung Võ Kim N, sinh ngày 30/6/2020 và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng. Quá trình tố tụng, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông Đ chung sống với nhau từ năm 2019. Hôn nhân là tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24/5/2019 tại Ủy ban nhân xã L, huyện D, Bình Dương. Hôn nhân giữa bà T và ông Đ đã thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Trong thời gian chung sống, bà T và ông Đ có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2023, nguyên nhân do sống chung không hợp, không ai quan tâm, chăm sóc nhau; hiện vợ chồng không còn tình cảm, đã không còn sống chung với nhau từ nhiều năm nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Đ cố tình vắng mặt, điều này thể hiện bị đơn không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông Đ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, bà T và ông Đ có một con chung tên Võ Kim N, sinh ngày 30/6/2020. Bà T yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, cháu N đang còn nhỏ, hiện đang được bà T trực tiếp chăm sóc nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.3] *Về cấp dưỡng*: Bà T yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì cha không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chưa thành niên. Ông Đ không trực tiếp nuôi dưỡng con chung và hiện đang đi làm, có thu nhập thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Căn cứ vào tình hình thực tế với mức sống trung bình tại địa phương và Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội

đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp nên được chấp nhận.

[4.4] *Về tài sản chung*: Bà T xác định không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.5] *Về nợ chung*: Bà T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Bà T tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Bùi Thị Diễm T đối với ông Võ Tấn Đ.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Bùi Thị Diễm T được ly hôn với ông Võ Tấn Đ.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Bà Bùi Thị Diễm T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Kim N, sinh ngày 30/6/2020. Ông Võ Tấn Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm ngàn đồng*) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Thực hiện cấp dưỡng nuôi con từ tháng 5/2025.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Bùi Thị Diễm T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Võ Tấn Đ không thực hiện việc cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng ông Đ còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

- Bà Bùi Thị Diễm T phải chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0007222 ngày 25/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Ông Võ Tấn Đ phải chịu số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đoàn Hoài Trí

